

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành danh mục thủ tục hành chính thực hiện
cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại Sở Giáo dục và Đào tạo**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 47/48 thủ tục hành chính thực hiện cơ chế một cửa tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

- 25 thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa;

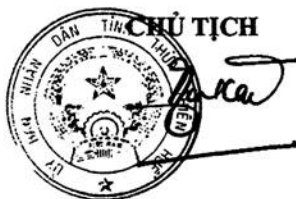
- 22 thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1915/QĐ-UBND ngày 22/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành danh mục thủ tục hành chính thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại Sở Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.


Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP và CV: GD, TH;
- Lưu: VT, KNNV. ✓



Nguyễn Văn Cao




DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT VÀ TRẢ KẾT QUẢ
THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 889 /QĐ-UBND, ngày 20 tháng 4 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)					Ghi chú
		Tổng	Bộ phận TN&TKQ	Phòng chuyên môn	Lãnh đạo và Văn phòng	Bộ phận TN&TKQ	
I	Lĩnh vực: Giáo dục và Đào tạo						
1	Cho phép hoạt động giáo dục đối với trường trung học phổ thông	20	0,5	16	3	0,5	
2	Cho phép trường trung cấp chuyên nghiệp hoạt động	25	0,5	16	3	0,5	
3	Cấp phép tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học	15	0,5	10	4	0,5	
4	Liên kết đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp	15	0,5	12	2	0,5	
5	Mở ngành đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp đối với các cơ sở đào tạo trực thuộc tỉnh	35	0,5	31	3	0,5	
6	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông	2	0,25	1	0,5	0,25	Trưởng phòng Giáo dục trung học ký và chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Sở
7	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học	7	0,5	4	2	0,5	Trưởng phòng Giáo dục trung học ký và chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Sở
8	Cho phép hoạt động giáo dục đối với trường trung học phổ thông chuyên	20	0,5	16	3	0,5	
9	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trường tiểu học	40	0,5	36	3	0,5	
10	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trường trung học (Bao gồm trường)	40	0,5	36	3	0,5	

	trung học cơ sở; trường trung học phổ thông; trường phổ thông có nhiều cấp học; trường phổ thông dân tộc nội trú cấp huyện; trường phổ thông dân tộc nội trú cấp tỉnh; trường phổ thông dân tộc nội trú trực thuộc Bộ; trường phổ thông dân tộc bán trú; trường chuyên thuộc các loại hình trong hệ thống giáo dục quốc dân)						
11	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	40	0,5	36	3	0,5	
12	Tiếp nhận lưu học sinh nước ngoài diện học bổng khác và tự túc vào học tại Việt Nam	7	0,5	4	2	0,5	Trưởng phòng Giáo dục trung học ký và chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Sở
13	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dịch vụ tư vấn du học	10	0,5	6	3	0,5	
14	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục mầm non	40	0,5	36	3	0,5	
15	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	15	0,5	12	2	0,5	
16	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	5	0,5	2	2	0,5	
17	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với cấp trung học phổ thông	15	0,5	11	3	0,5	
18	Đề nghị miễn, giảm học phí cho học sinh, sinh viên	14	0,5	11	2	0,5	
19	Cho phép hoạt động trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	40	0,5	33	6	0,5	
20	Đề nghị phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	25	0,5	21	3	0,5	
II Lĩnh vực quy chế thi, tuyển sinh							
1	Phúc khảo bài thi trung học phổ thông quốc gia	15	0,5	11	3	0,5	

2	Đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông	15	0,5	11	3	0,5	
III	Lĩnh vực hệ thống văn bằng, chứng chỉ						
1	Công nhận văn bằng tốt nghiệp các cấp học phổ thông do cơ sở nước ngoài cấp	15	0,5	11	3	0,5	
2	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	Trong ngày					
3	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	5	0,5	3	1	0,5	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT VÀ TRẢ KẾT QUẢ
THEO CƠ CẤU MỘT CỬA LIÊN THÔNG TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ
CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **889** /QĐ-UBND, ngày **26** tháng **4** năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)



TT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Thẩm quyền QĐ	Tổng thời gian giải quyết	Thời gian giải quyết tại đơn vị					Thời gian giải quyết tại các cơ quan liên thông		Ghi chú
				Tổng	Bộ phận TN&TKQ	Phòng chuyên môn	Lãnh đạo và VP	Bộ phận TN&TKQ	Tên cơ quan, đơn vị liên thông	Thời gian giải quyết	
I Lĩnh vực: Giáo dục và Đào tạo											
1	Thành lập, cho phép thành lập trường trung học phổ thông	Chủ tịch UBND tỉnh	40	20	0,5	17	2	0,5	UBND tỉnh	20	
2	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông	Chủ tịch UBND tỉnh	40	20	0,5	17	2	0,5	UBND tỉnh	20	
3	Giải thể trường trung học phổ thông	Chủ tịch UBND tỉnh	20	15	0,5	12	1	0,5	UBND tỉnh	5	
4	Thành lập trường trung cấp chuyên nghiệp	Chủ tịch UBND tỉnh	35	20	0,5	17	2	0,5	UBND tỉnh	15	
5	Sáp nhập, chia tách trường trung cấp chuyên nghiệp	Chủ tịch UBND tỉnh	35	20	0,5	17	2	0,5	UBND tỉnh	15	
6	Giải thể trường trung cấp chuyên nghiệp	Chủ tịch UBND tỉnh	20	15	0,5	12	1	0,5	UBND tỉnh	5	

7	Thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học	Chủ tịch UBND tỉnh	15	10	0,5	7	2	0,5	UBND tỉnh	5	
8	Sáp nhập, chia tách trung tâm ngoại ngữ, tin học	Chủ tịch UBND tỉnh	15	10	0,5	7	2	0,5	UBND tỉnh	5	
9	Giải thể trung tâm ngoại ngữ, tin học	Chủ tịch UBND tỉnh	15	10	0,5	7	2	0,5	UBND tỉnh	5	
10	Công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi đối với đơn vị cấp huyện	Chủ tịch UBND tỉnh	14	8	0,5	6	1	0,5	UBND tỉnh	6	
11	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	Chủ tịch UBND tỉnh	25	15	0,5	12	2	0,5	UBND tỉnh	10	
12	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	Chủ tịch UBND tỉnh	40	20	0,5	16	3	0,5	UBND tỉnh	20	
13	Công nhận trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia	Chủ tịch UBND tỉnh	45	23	0,5	19	3	0,5	UBND tỉnh	22	
14	Công nhận trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia	Chủ tịch UBND tỉnh	45	23	0,5	19	3	0,5	UBND tỉnh	22	
15	Công nhận trường phổ thông có nhiều cấp học đạt chuẩn quốc gia	Chủ tịch UBND tỉnh	45	23	0,5	19	3	0,5	UBND tỉnh	22	
16	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên	Chủ tịch UBND tỉnh	40	20	0,5	16	3	0,5	UBND tỉnh	20	
17	Hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở cho học sinh trung học phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt	Chủ tịch UBND tỉnh	14	8	0,5	6	1	0,5	UBND tỉnh	6	



	khó khăn										
18	Thành lập và công nhận hội đồng quản trị trường đại học tư thục	Chủ tịch UBND tỉnh	30	20	0,5	16	3	0,5	UBND tỉnh	10	
19	Thành lập và công nhận hội đồng quản trị trường đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Chủ tịch UBND tỉnh	30	20	0,5	16	3	0,5	UBND tỉnh	10	
20	Thành lập và công nhận hội đồng quản trị trường cao đẳng tư thục	Chủ tịch UBND tỉnh	30	20	0,5	16	3	0,5	UBND tỉnh	10	
21	Thành lập và công nhận hội đồng quản trị trường cao đẳng tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Chủ tịch UBND tỉnh	30	20	0,5	16	3	0,5	UBND tỉnh	10	
22	Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	Chủ tịch UBND tỉnh	60	45	0,5	40	4	0,5	UBND tỉnh	15	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH